

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KPL
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST.

Ngày 17/4/2024.

“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KPL, TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thanh Phong.

2. Ông Đinh Văn Tú.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện KPL, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KPL, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện KPL, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 (Thụ lý số cũ 17/2023/TLST-DS ngày 29/11/2023) về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng.

Địa chỉ: Số 0x, LH, phường Th, quận B Đ, TP. Hà Nội.

+ ***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Phạm Toàn V- Tổng Giám đốc.

Đơn vị trực thuộc: Ngân hàng – Chi nhánh huyện KR, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Thôn 0x, xã TL, huyện K R, tỉnh Kon Tum.

+ ***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Văn Ph; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng - Chi nhánh huyện KR, tỉnh Kon Tum (theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHN-PC ngày 01/12/2022).

+ ***Người được ủy quyền lại của Giám đốc Ngân hàng - Chi nhánh huyện KR, tỉnh Kon Tum:*** Ông Đặng Xuân S; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch

KPL - Chi nhánh huyện KR, tỉnh Kon Tum (Theo Quyết định ủy quyền số: 130/QĐ-NHNo.KR ngày 22/3/2024 về ủy quyền lại thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án). Có mặt .

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 19xx

Địa chỉ nơi công tác: Trung tâm y tế huyện KPL. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện Kon Rẫy Kon Tum - Phòng giao dịch KPLông Đặng Xuân S trình bày:

Ngày 10/11/2021, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện KR – Phòng giao dịch huyện KPL, tỉnh Kon Tum (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) và bà Phạm Thị Ng ký kết Hợp đồng tín dụng số 5104LAV202101809. Theo đó, Ngân hàng giải ngân cho bà Phạm Thị Ng vay số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm, năm mươi triệu đồng*); mục đích vay vốn: Mua sắm vật dụng sinh hoạt, với lãi suất cho vay 10,5%/năm, thời hạn cho vay 36 tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, bà Phạm Thị Ng đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) theo đúng cam kết và đã vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng. Toàn bộ dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 29/3/2023 và phải chịu lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay), lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm theo quy định.

Từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn ngày 29/3/2023 đến nay, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở, làm việc bằng biên bản đôn đốc trả nợ nhưng bà Phạm Thị Ng vẫn không thực hiện trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng.

Với các nội dung và lý do trên, Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị Ng thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5104LAV202101809 ngày 10/11/2021 với số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 23/11/2023 là **90.782.551 đồng** (*Chín mươi triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi một đồng*). Trong đó: Tiền gốc: 83.280.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 6.833.523 đồng; tiền lãi quá hạn: 669.028 đồng và toàn bộ các khoản lãi phát sinh cho đến khi bà Phạm Thị Ng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Trong khi Tòa án giải quyết vụ án, đến ngày 22/3/2024 Ngân hàng đã thu của bà Phạm Thị Ng số tiền là 15.400.000 đồng (*Mười lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng*) và trừ vào số tiền nợ gốc (*Có chứng từ giao dịch kèm theo*).

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu bà Phạm Thị Ng thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng

tín dụng số 5104LAV202101809 ngày 10/11/2021 với số tiền vay gốc còn lại là 67.880.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*) và bổ sung số tiền lãi tính đến ngày xét xử (17/4/2024), tiền lãi trong hạn: 10.377.175 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.654.919 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/4/2024 cho đến khi bà Phạm Thị Ng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Ng luôn vắng mặt không có lý do. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định (*các văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập các đương sự, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa*), Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị Ng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KPL phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa:

Đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện KPL theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thụ lý, giải quyết từ ngày 29/11/2023, đã phân công Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng theo quy định Điều 195, Điều 196, Điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định thời hiệu, xác định tư cách của người tham gia tố tụng quan hệ pháp luật trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự; yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ, thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211; tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo kịp thời cho các đương sự và niêm yết công khai đúng quy định tại các Điều 178, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, thời gian chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Ng mặc dù Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Kiểm

sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ng thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5104LAV202101809 ngày 10/11/2021 với số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 23/11/2023 là **90.782.551 đồng** (*Chín mươi triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi một đồng*). Trong đó: Tiền gốc: 83.280.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 6.833.523 đồng; Tiền lãi quá hạn: 669.028 đồng và toàn bộ các khoản lãi phát sinh cho đến khi bà Phạm Thị Ng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Trong khi Tòa án giải quyết vụ án, đến ngày 22/3/2024 Ngân hàng thu của bà Phạm Thị Ng số tiền là 15.400.000 đồng (*Mười lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng*) và trừ vào tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu bà Phạm Thị Ng thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5104LAV202101809 ngày 10/11/2021 với số tiền vay gốc còn lại là 67.880.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*), bổ sung số tiền lãi tính đến ngày xét xử (17/4/2024), tiền lãi trong hạn: 10.377.175 đồng (*Mười triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm bảy mươi lăm đồng*), tiền lãi quá hạn: 1.654.919 đồng (*Một triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm mười chín đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/4/2024 đến khi bà Nguyệt trả hết khoản nợ vay. Việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 118, Điều 280, Điều 282, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bị đơn bà Phạm Thị Ng phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5104LAV202101809 ngày 10/11/2021 số tiền cả gốc và tiền lãi tính đến ngày 17/4/2024 là: 79.912.094 đồng (*Bảy mươi chín triệu, chín trăm mười hai nghìn, không trăm chín mươi bốn đồng*) (Trong đó tiền gốc: 67.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 10.377.175 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.654.919 đồng) và toàn bộ các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 18/4/2024 cho đến khi bà Phạm Thị Ng thanh toán toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký như trên.

Về án phí dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 143, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Phạm Thị Ng phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Vụ án giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và bị đơn bà Phạm Thị Ng khởi kiện trong thời hạn luật định. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh từ việc vi phạm các điều khoản cam kết khi thực hiện hợp đồng tín dụng, giữa các đương sự có địa chỉ cư trú, trụ sở Phòng giao dịch giao kết và thực hiện tại huyện KPL. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện KPL giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, bị đơn bà Phạm Thị Ng luôn vắng mặt; bà Nguyệt không thông báo nơi cư trú nào khác cho chính quyền và cho Ngân hàng (là người có quyền). Do vậy, Tòa án đã thực hiện biện pháp tổng đạt hợp lệ bằng thủ tục niêm yết công khai các thông báo, giấy triệu tập, quyết định tại nơi cư trú; Ủy ban nhân dân thị trấn nơi bị đơn cư trú và tại trụ sở Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Ng vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

[3] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng được các bên ký kết, thực hiện tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 đang có hiệu lực nội dung, hình thức phù hợp nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Xét Hợp đồng tín dụng số 5104LAV202101809 ngày 10/11/2021 giữa Ngân hàng và bà Phạm Thị Ng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền để ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Phạm Thị Ng vay số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm, năm mươi triệu đồng*); mục đích vay vốn: Mua sắm vật dụng sinh hoạt, với lãi suất cho vay 10,5%/năm, thời hạn cho vay 36 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị Ng đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) theo đúng cam kết và đã vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng (các Điều 5, Điều 7, Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 5104LAV202101809 ngày 10/11/2021 và phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và

định kỳ trả nợ kèm theo), mặc dù sau khi phát sinh nợ quá hạn Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở, làm việc bằng biên bản đôn đốc trả nợ nhưng bà Phạm Thị Ng vẫn không thực hiện trả hết các khoản nợ vay gốc và lãi cho Ngân hàng. Toàn bộ dư nợ đã chuyển sang tài khoản nợ quá hạn kể từ ngày 29/3/2023 và phải chịu lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay), lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm (0,875%/tháng) theo quy định.

Tính đến ngày 23/11/2023, dư nợ còn lại quá hạn của Hợp đồng tín dụng nêu trên là 90.782.551 đồng (*Chín mươi triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm năm mươi một đồng*). (Trong đó: Tiền gốc: 83.280.000 đồng; Tiền lãi trong hạn: 6.833.523 đồng; Tiền lãi quá hạn: 669.028 đồng). Trong khi Tòa án giải quyết vụ án, đến ngày 22/3/2024 Ngân hàng đã thu của bà Phạm Thị Ng số tiền gốc là 15.400.000 đồng (*Mười lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng*) và trừ vào tiền nợ gốc. Tại phiên tòa, Ngân hàng thay đổi yêu cầu buộc bà Phạm Thị Ng phải trả tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 5104LAV202101809 ngày 10/11/2021 số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 17/4/2024, dư nợ còn lại quá hạn của Hợp đồng tín dụng nêu trên là 79.912.094 đồng (*Bảy mươi chín triệu, chín trăm mười hai nghìn, không trăm chín mươi bốn đồng*) (Trong đó tiền gốc: 67.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 10.377.175 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.654.919 đồng) và toàn bộ các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 18/4/2024 cho đến khi bà Phạm Thị Ng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị Ng còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trong hạn, quá hạn, tiền nợ lãi phạt của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi bà Phạm Thị Ng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về tính lãi suất.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 280, 282, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

1. Về khoản nợ: Buộc bà Phạm Thị Ng phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày 17/4/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 5104LAV202101809 ngày 10/11/2021 là 79.912.094 đồng (*Bảy mươi chín triệu, chín trăm mười hai nghìn, không trăm chín mươi bốn đồng*) (Trong đó tiền gốc: 67.880.000 đồng, tiền lãi trong hạn 10.377.175 đồng, tiền lãi quá hạn 1.654.919 đồng) cho Ngân hàng

2. Về tiền lãi phát sinh: Buộc bà Phạm Thị Ng phải thanh toán toàn bộ các khoản lãi nợ quá hạn phát sinh từ ngày 18/4/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 5104LAV202101809 ngày 10/11/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Phạm Thị Ng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện KR, Kon Tum - Phòng giao dịch huyện KPL theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị Ng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.995.604 đồng (*Ba triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện KR, Kon Tum – Phòng giao dịch huyện KPL số tiền tạm ứng án phí 2.269.563 đồng (*Hai triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001007 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KPL, tỉnh Kon Tum.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/4/2024). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện KPL;
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện KPL;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Đăng Lễ